| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT**<br>TỈNH LÂM ĐỒNG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số:**37**/2021/HNGĐ- ST
Ngày: 27/4/2021.
*"V/v: Tranh chấp ly hôn*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông **Trần Văn Điền**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông **Nguyễn Minh Sơn**

+ Bà **Mai Lương Anh**

***Thư ký phiên toà:*** Bà **Lê Ngọc Hoàng Anh** - Là thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:*** Bà **Hoàng Thị Thắm** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 803/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2020 về "*Xin ly hôn",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02/4/2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Bà **Chế Thị Như Q**, sinh năm 1983**.**

Địa chỉ: Căn 503, Chung C, phường B, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

*Bị đơn:* Ông **Đinh Đức H**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Căn 503, Chung C, phường B, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 12 năm 2020 nộp tại Tòa án thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Chế Thị Như Q trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân*: bà Chế Thị Như Q kết hôn với ông Đinh Đức H vào năm 2008, tại Ủy ban nhân dân, phường B, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sống

tại nhà bố mẹ chồng, gần được 02 năm thì vợ chồng ra ở riêng. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông H thường xuyên chửi, đánh đập, xúc phạm hăm dọa giết bà Q. Hiện nay vợ chồng vẫn sống chung một nhà nhưng không còn tiếng nói chung, không còn quan tâm đến nhâu nữa. Nay bà Q xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn ông Đinh Đức H.

*Về con chung:* có một con chung tên Đinh Đức T, sinh này 24/6/2009. Hiện nay đang ở với bố mẹ, ly hôn theo nguyện của cháu T là được ở với mẹ nên bà Q đồng ý nuôi cháu T. Không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung:* Không yêu cầu tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* không có.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, đã tống đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, kết quả tiếp cận công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật nhưng ông H cũng không đến tòa. Nên tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*Tại phiên Tòa hôm nay*: bà Chế Thị Như Q yêu cầu xin ly hôn ông Đinh Đức H và yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

*Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

Vụ án thụ lý đúng trình tự theo luật quy định. Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán từ khi nhận đơn đến lúc đưa vụ án ra xét xử, xác định tư cách tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự cũng như chứng cứ của vụ án, việc hòa giải đều đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định.

*Về quan hệ hôn nhân*: Bà Q và ông H là hợp pháp, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H thường xuyên chửi, đánh đập, xúc phạm, hăm dọa giết bà Q. Hiện nay vợ chồng vẫn sống chung một nhà nhưng không còn tiếng nói chung, không còn quan tâm đến nhâu nữa. Nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn bà Q.

*Về con chung*: Giao con chung tên Đinh Đức T, sinh này 24/6/2009. cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng. bà Q không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung:* Không yêu cầu tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Bà Q yêu cầu ly hôn ông H, nên xác định quan hệ tranh chấp"*Xin ly hôn*" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn có hộ khẩu tại thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, nên căn cứ Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng giải quyết.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã tiến hành triệu tập, niêm yết hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Do đó căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: bà Chế Thị Như Q và ông Đinh Đức H có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà bố, mẹ ông H tại thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, được 02 năm thì vợ chồng ra sống riêng.Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H thường xuyên chửi bới, đánh đập, xúc phạm hăm dọa giết bà Q

Tại phiên tòa hôm nay bà Q không đồng ý đoàn tụ gia đình và xác định tình cảm không còn, hôn nhân không thể tiếp tục nên xin được ly hôn ông H.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay ông H đã được triệu tập, tống đạt, niêm yết hợp lệ nhưng vẫn không đến tòa thể hiện sự không tôn trọng pháp luật, hơn nữa không mong muốn đoàn tụ gia đình. Qua lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa cũng như các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ, biên bản xác minh tại khu phố việc mâu thuẫn của vợ chồng ông H bà Q tổ không biết nên không có cơ sở để hòa giải. Do đó áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn củabà Q.

[4] *Về con chung*: bà Q xác định vợ chồng có một con chung tên Đinh Đức T, sinh này 24/6/2009. Hiện nay đang ở cùng với bố, mẹ và cũng theo nguyện vọng của con là được ở với mẹ để đảm bảo quyền lợi sự phát triển tâm sinh lý bình thường cho trẻ vị thành niên. Nên giao con chung tên Đinh Đức T, sinh này 24/6/2009 cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên.

[5] *Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con*: Trong quá trình hòa giải và tại biên bản tự khai cũng như tại phiên tòa hôm nay bà Q không yêu cầu cấp dưỡng

nuôi con chung. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện của bà Q nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] *Về tài sản chung*: Không yêu cầu tòa giải quyết.

[7] *Về nợ chung*: Không có.

[8] *Về án phí:* bà Chế Thị Như Q phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm

*Vì các lẽ trên*,

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 28, 35, 36, 39, 147 và Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và xử dụng án phí và lệ phí tòa án.

*Tuyên xử:*

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Chế Thị Như Q. Cho Bà Chế Thị Như Q và ông Đinh Đức H được ly hôn.

2. *Về nuôi con chung*:

2.1 Giao con chung tên tên Đinh Đức T, sinh này 24/6/2009 cho bà Chế Thị Như Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên.

2.2 *Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con*: Bà Q không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

*Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp, không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.*

3. *Về án phí*: bà Chế Thị Như phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm (được trừ toàn bộ vào số tiền 300.000đồng bà Q đã tạm nộp theo biên lai thu số: AA/2017/0003442 ngày 17 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng).

*Quyền kháng cáo:*

Bà Chế Thị Như Q có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án lên Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để

yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng ông Đinh Đức H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ( niêm yết) bản án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

***Nơi nhận:***
- *TAND tỉnh Lâm Đồng*;
- *VKSND TP Đà Lạt*;
- *Chi cục THA Đà Lạt;*
- *UBND,phường B, TP Đà Lạt.*
- *Đương sự;*
- *Lưu;*

**TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Văn Điền**